

Tịnh Độ Đại Kinh Giải Diễn Nghĩa

淨土大經解演義

Tập 301

Chủ giảng: Tịnh Không Pháp Sư

Chuyển ngữ: Hạnh Chơn

Biên tập: Bình Minh

Thời gian: 24.02.2011

Địa điểm: Tịnh Tông Học Viện _ Úc Châu

Chư vị pháp sư, chư vị đồng học, xin mời ngồi xuống. Mời quý vị xem Đại Thừa Vô Lượng Thọ Kinh Giải, trang 353, hàng thứ năm từ dưới đếm lên, bắt đầu xem từ hai chữ cuối cùng.

“Nhị giả, trang nghiêm nghĩa, dĩ trì giới đức, nhi tự trang nghiêm. Bất thất luật nghi, quỹ phạm nhân thiên, linh chúng khâm ngưỡng quy chỉ, lai thọ giáo hoá. Mộ ngã giới đức, học ngã giới hạnh, tiến tu định tuệ, nhi độ bỉ ngạn”.

Nghĩa thứ hai, ví giới luật như chiếc áo giáp. Nghĩa thứ hai là trang nghiêm. Nghĩa thứ nhất là hộ trì, hộ trì chính mình. Ở trong nhà lửa tam giới này, tự hành trì và hoá độ chúng sanh thì phải làm sao để bảo hộ chính mình.

Trang nghiêm, ý này có nghĩa là cảm hoá chúng sanh. Xã hội hiện nay cảm hoá thật là không dễ, vì khắp xã hội đã mất hết luân thường đạo đức. Chúng ta quan sát và cảm nhận kỹ càng, sẽ thấy tình thân cha con ở xã hội ngày nay không còn nữa. Chỉ thấy thoáng qua, thoáng qua một chút thiên tánh. Đúng là hiện tượng tự nhiên. Trẻ em bây giờ, sáu bảy tuổi đã không nghe lời nữa. Cha mẹ cũng rất khó dạy chúng. Nguyên nhân gì? Quên lãng cội rễ giáo dục. Người xưa thường nói: dạy con từ thuở còn thơ, dạy vợ từ thuở bơ vơ mới về. Dạy con cái phải dạy từ lúc chúng còn nhỏ. Anh hài là mới chào đời, là phải bắt đầu dạy, vì nó chưa bị nhiễm ô, nó còn duy trì được thiên tánh của nó, thiên tánh vốn thiện.

Tất cả những thứ bất thiện đều là nhiễm ô, nhưng mới ra đời chưa bị nhiễm ô. Nếu lúc này sơ suất để nhiễm tánh bất thiện, muốn sửa đổi sẽ rất khó. Vì sao hiện nay nhiều bạn đồng tu đến thăm tôi đều nói với tôi rằng, con cái không dễ dạy. Có rất nhiều vị là thầy giáo đang dạy ở trường cũng nói, học sinh không dễ dạy. Hai câu này 50 năm trước chưa từng nghe qua, không ai than thở như vậy. Năm mươi năm sau, những câu than phiền như vậy ngày nay rất phổ biến. Mỗi gia đình đều có kinh nghiệm đau khổ này. Nguyên nhân là gì? Chính là điều chúng ta vừa nói, “phụ tử hữu thân”. Nhưng đến lúc đứa trẻ mười mấy tuổi thì không thấy nữa, đã không còn. “Phụ tử hữu thân” cũng không còn. Bây giờ vợ chồng kết hôn rồi ly hôn cũng giống như trò đùa vậy, rất tùy tiện. “Quân thân hữu nghĩa” cũng không còn. Quan hệ cấp trên với

cấp dưới thời nay là vì lợi, chứ không còn đạo nghĩa. “Trưởng ấu hữu tự” cũng không. “Bằng hữu hữu tín” cũng chẳng còn. Đây là xã hội gì?

Ngũ luân: nhân nghĩa lễ trí tín hoàn toàn không còn. Lễ nghĩa liêm sỉ không có. Hiếu đễ trung tín cũng không. Nhân ái hoà bình chẳng thấy. Đây là thế giới gì? Thế giới như vậy chỉ có các bậc đại thánh đại hiền, chư Phật Bồ Tát ứng hoá đến thế gian này để hoá độ chúng sanh. Không phải người thật sự tái sanh, đã chứng được A Duy Việt Trí Bồ Tát. Được! Họ ở trong nhà lửa tam giới, ba độc thiêu đốt mà không bị ô nhiễm. Không có công lực như vậy thì cho dù từ nhỏ đã tiếp thu được căn bản giáo dục, cha mẹ dạy tốt cũng vô dụng. Từ trong gia đình bước ra ngoài xã hội là đã học điều hư. Xã hội là một hồ nhuộm lớn. Nên ngày nay người ta bất nhân bất nghĩa, vô lễ vô liêm sỉ đều không thể trách cứ họ. Họ tạo ra tất cả những điều bất thiện mà không biết. Họ không biết đó là bất thiện, nên cho rằng như vậy là bình thường.

Ngày nay chúng ta học Phật, trì giới, phải giữ quy củ, thì họ lại coi chúng ta là dị loại, coi chúng ta là không bình thường. Quý vị xem giáo hoá những người như vậy khó biết bao. Trong hoàn cảnh này, nên y giáo phụng hành, lấy đức để cảm hoá người. Không thoái chuyển, vẫn kiên trì. Tôi nghĩ đây đều là A Duy Việt Trí Bồ Tát. Những người chứng A la hán thì không được, trong hoàn cảnh ngày nay họ đều sẽ thoái chuyển.

Cổ nhân nói thấy lợi quên nghĩa, đó là một cách ví dụ. Bây giờ khắp nơi đều như vậy, đó là hiện tượng phổ biến của xã hội. Mưu đồ vị lợi không nghĩ đến hậu quả. Ở thế gian này giáo hoá chúng sanh, có thể không thoái tâm sao? Hầu như là việc không thể. Đó chính là thật sự hiểu được nhân quả. Biết rằng thiện có thiện quả, ác có ác báo. Nhân quả báo ứng không sai chút nào. Có thể bảo hộ chính mình không thoái tâm để tiếp tục siêng năng học tập.

Ngũ luân ngũ thường, tứ duy bát đức của truyền thống văn hoá xưa là giới luật căn bản của thánh hiền, nhất định phải tuân thủ. Chúng ta thấy trong bộ Thượng Thư ngày xưa, vua Nghiêu nói với mọi người: Cuộc sống vật chất của con người đã đầy đủ, y phục ẩm thực sung túc. Chỗ ở, công việc, hoàn cảnh vui chơi đều không thiếu. Nếu không có giáo dục thì người với cầm thú có gì khác nhau? Dạy điều gì? Chính là dạy luân thường đạo đức. Cầm thú không có giáo dục luân thường đạo đức. Người khác với cầm thú chính là đã tiếp thu nền giáo dục luân thường đạo đức. Ngày nay giáo dục luân thường đạo đức của con người không còn nữa. Hành vi con người có lúc còn tệ hơn cầm thú.

Mấy năm trước, khi tôi ở thôn quê, có một con chim chết trong vườn. Thầy Ngô Khiêm đem nó chôn trong vườn. Thấy một con chim khác có thể là bạn đời của nó, không ngừng đi quanh ở nơi chỗ chôn con chim đó. Đi rất chậm, đi quanh đó suốt ba ngày. Chúng tôi cảm động chảy nước mắt. Con chim này rất có nhân có nghĩa. Người

bây giờ không được như nó, chúng ta kính trọng nó. Thật hiếm có! Ba ngày ba đêm đi quanh chỗ đó, có người đến gần nó cũng không bay.

Con chim này, nó làm sao hiểu được luân lý đạo đức? Người học Phật chúng ta biết được, con chim này trong quá khứ là người có học, thời gian dài huân tập tiếp thu luân lý đạo đức. Nên trong A lại da có chủng tử, tuy đầu thai trong súc sanh, nhưng vẫn còn biểu hiện này. Vì sao con người bây giờ không còn nữa? Con người đã bị danh lợi làm mê muội, nên chỉ biết tranh danh đoạt lợi. Hoàn toàn trái ngược với bản tánh vốn thiện. Đây là điều bi ai của xã hội ngày nay.

Thật hiếm có, mấy năm gần đây chúng ta đề xướng luân lý đạo đức, đề xướng truyền thống văn hoá, nhưng đã gặp rất nhiều khó khăn. Kỳ thật có một số ít người giác ngộ, còn đại đa số vẫn không biết. Nếu không có người tiếp tục phấn đấu từ trong gian khổ, thì số ít người giác ngộ này lại lạc mất phương hướng, sẽ sớm bị mê mất. Từ đó quý vị sẽ biết được công việc này khó khăn biết bao! Thật sự có thể lấy giới đức để tự trang nghiêm, thì đây chính là Bồ Tát hạnh. Người này chúng ta có thể nói họ là người tái sanh, họ không phải là người thường. Ở trong hoàn cảnh như vậy mà họ không bị nhiễm ô. Bị nhiễm ô, đó là chuyện rất bình thường. Nói cách khác, đã bị nhiễm ô. Xuất gia cũng không ngoại lệ, xuất gia cũng bị nhiễm ô. Họ không phải là người tái sanh, vị họ không nhân chịu được. Trong nhà Phật câu, nhìn được thấu nhưng nhìn không được. Đây là nói công phu nhân nhục Ba la mật. Mặc dù biết là sai, nhưng vẫn cứ làm vì không nhìn được. Nên lục ba la mật là Bồ Tát hạnh, không phải hàng phàm phu có thể làm được. Đối với phàm phu có thể giữ tam quy, ngũ giới, thập thiện, Thì chư Phật Bồ Tát đã rất mãn nguyện lắm rồi.

Ngày nay chúng ta nói đến ba nền tảng của Thích Nho Đạo. Có thể thực hành Đệ Tử Quy, Cảm Ứng Thiên, Thập Thiện Nghiệp, chư Phật Bồ Tát đã rất vừa lòng rồi, các bậc thánh hiền cũng vừa lòng. Vì sao? Xã hội này mặc dù không đạt được đại đồng thì cũng đạt được tiểu đồng. Thực hiện ba căn bản này chính là phạm vi của tiểu đồng, có thể đạt được trị an lâu dài.

“Bất thất luật nghi, quĩ phạm nhân thiên”. Đây chính là oai nghi hữu tặc. Chính mình thật sự đã làm được, mục đích là gì? Là làm gương cho mọi người trong xã hội, làm để mọi người xem.

“Linh chúng khâm ngưỡng quy chỉ”. Quy là quy y, đến đây theo ta học tập. Đến để tiếp nhận giáo hoá. Quý vị xem, trước là thân giáo. Nếu không tự mình làm thì xã hội ngày nay người ta không tin. Những gì ta nói, ta nói được họ cũng nói được. Người nói thì nhiều, nhưng người làm thì không có. Các bậc thánh hiền, chư Phật Bồ Tát đều không phải dùng lời nói trước, mà các ngài dùng hành động trước. Cho nên diễn thuyết, nghĩa là trước biểu diễn, làm cho ta thấy, sau đó ta hỏi thì sẽ nói, nếu không hỏi thì sẽ không nói. Trong đây có đạo lý của nó. Nếu họ không hỏi mà nói thì

chưa chắc họ đã tin, không khéo họ còn sỉ nhục và chỉ trích ta nữa. Nếu họ đến hỏi, đến thỉnh giáo tức là họ có tâm cầu học, lúc này thì nên nói cho họ. Nhất định là trước phải làm được sau mới nói.

Nếu tứ chúng đồng tu ở một nơi, thật sự thực hành được Đệ Tử Quy, Cấm Ứng Thiên, Thập Thiện Nghiệp thì thật đáng nể! Thành thị này sẽ được cảm hoá. Bất luận quý vị đi đến đâu, cũng có người đến thân cận thỉnh giáo. Họ tôn trọng quý vị. Vị sao? Bởi người khác không làm được, mà quý vị có thể làm được. Chính là đạo lý này. Họ sẽ ngưỡng mộ, sẽ khâm phục và muốn đến học với quý vị. “Mộ ngã giới đức, học ngã giới hạnh”. Trì giới sẽ biểu hiện ra đức tướng làm cảm động người, họ liền đến theo ta học giới hạnh. Có giới đức trang nghiêm, tiến thêm một bước là tu định tu huệ. Định tuệ có thể tự độ, có thể độ tha. Đây là giới định tuệ tam học_tam vô lậu học.

“Tiền dẫn Viên Giác, chư giới định tuệ cập dâm nô si câu thị phạm ngữ”. Trong kinh Viên Giác nói như vậy. Ý này rất thâm sâu, ở trước đã nói qua. Giống như trong Trung Quán Luận nói: “nhân duyên sở sinh pháp, ngã thuyết tức thị không”. Thế gian pháp, mười pháp giới y chánh trang nghiêm đều là các pháp do nhân duyên sanh. Chư Phật Như Lai ứng hoá ở thế gian này. Chúng sanh có cảm là nhân, Phật Bồ Tát có ứng là quả, Vẫn là quan hệ nhân duyên, nên Phật pháp do nhân duyên sanh. Nói cách khác, rốt cuộc Phật pháp có hay không? Không có. Vì có thế gian pháp mới có Phật pháp, đối lập mà sanh ra. Thế gian pháp không có thì Phật pháp cũng không có. Nên Đức Phật dạy: “pháp còn phải xả, hướng là phi pháp”. Đây chính là dạy chúng ta nhị biên đều phải xả.

Pháp thế gian xả bỏ rồi, trong tâm còn giữ lại Phật pháp. Như vậy là sai. Trong tự tánh thanh tịnh tâm một pháp cũng không có. Không có pháp, thì lấy đâu ra Phật pháp? Ta có sai lầm, thì đức Phật dùng phương pháp để sửa đổi lại, đó gọi là Phật pháp. Nếu không có sai lầm thì sẽ không có Phật pháp. Nên biết rằng dâm nô si là pháp thế gian, giới định tuệ là pháp xuất thế gian. Tất cả đều là do nhân duyên sanh ra các pháp. Nếu thật sự đã hiểu, thì nhị biên không còn, thì đó chính là phạm hạnh. Hằng thuận chúng sanh, tùy hỷ công đức.

Trong xã hội này, bất luận là cảnh giới nào, là thuận cảnh hay nghịch cảnh. Nên tỷ mỹ lãnh hội 53 lần tham bái cầu học của Thiện Tài Đồng Tử. Vì trong 53 vị thiện tri thức này, nam nữ già trẻ, các ngành các nghề, nghịch cảnh thuận cảnh, thuận duyên ác duyên đều có đủ. Quý vị xem Thiện Tài Đồng Tử đã đối phó như thế nào. Đó chính là dùng trí tuệ để đối phó. Thực hành trung đạo, không rời nhị biên, nhị biên bất tức, bất tức bất ly, hành Bồ Tát đạo. Phật pháp và thế pháp thực sự giống như trong kinh Bát Nhã nói. Tất cả pháp, tất cả pháp này bao hàm Phật pháp và thế gian pháp, bao hàm tất cả. “Nhất thiết pháp tất cánh không, vô sở hữu, bất khả đắc”.

“Dữ kim bất thất luật nghi hồ tương chiếu ương, chánh hiển trung đạo, lý sự vô ngại, viên giải viên tu chi diệu hạnh”.

Đây là cảnh giới tứ vô ngại trong kinh Hoa Nghiêm. Lý sự vô ngại, sự sự vô ngại. Nhất định phải có định có huệ. Không có định huệ như vậy ta sẽ sai. Trung đạo chính là định huệ ngang nhau, định huệ bình đẳng. Định nhiều huệ ít là không được, định ít huệ nhiều cũng không được. Nhất định phải ngang nhau mới gọi là trung đạo.

“Lý sự vô ngại, viên giải viên tu chi diệu hạnh. Liễu tri giới định tuệ dữ thâm nô si bình đẳng bình đẳng”. Nhưng tu bằng cách nào? “Nhưng nghiêm trì tịnh giới, bất thất luật nghi. Tuy nghiêm trì luật nghi, quý phạm cụ túc, dẫn tự tâm thường tịch nhất thiết bình đẳng. Tất vô thủ xả, cánh vô ái tăng, bất kiến dĩ thị, bất đạo nhân phi”.

Đây là tiêu chuẩn đầy đủ. Nếu thật sự làm được như thế để người ta xem. Tứ đức trong Hoàn Nguyên Quan là “tùy duyên diệu dụng, oai nghi hữu tác”. Phải làm, làm một cách tự nhiên như, không hề có chút miễn cưỡng nào. Vì sao? Bởi đã nhập vào cảnh giới. Chư Phật Bồ Tát cũng như vậy, nó vốn là như vậy, làm gì có chút miễn cưỡng nào?

Tiêu chuẩn đầy đủ, làm được tốt như vậy nên tự tâm thường tịch. Tự tâm thường tịch là định. Tiêu chuẩn đầy đủ là giới. Tất cả bình đẳng, không có lấy hay bỏ. Dưới đây nói là huệ, biết được tất cả pháp không rời tự tánh. Trong kinh giáo đại thừa thường nói, ngoài tâm không có pháp, ngoài pháp không có tâm. Tâm là năng sanh năng hiện, pháp là sở sanh sở hiện. Năng và sở là một không phải hai. Nên tất cả pháp trong biến pháp giới hư không giới với chính mình là quan hệ gì? Luân lý là nói đến quan hệ. Quan hệ gì? Nhất thể. Quan hệ này thân thiết biết bao, không có gì thân hơn điều này. So với “phụ tử hữu thân” còn thân hơn nữa. Phụ tử hữu thân không phải nhất thể, nhưng vạn pháp với chính mình là nhất thể.

Ai biết được nhất thể? Chư Phật Như Lai và pháp thân Bồ Tát, các ngài biết, các ngài đã chứng được, đã nhập vào cảnh giới nhất thể, khẳng định nhất thể, thừa nhận nhất thể. Cho nên hành nhất thể chi hành. Điều này không giống với phàm phu đã mê mất tự tánh. Mê mất tự tánh, nên làm xăng nghĩ bậy. Họ không có trí tuệ, hoàn toàn thuận theo phiền não. Phiền não là gì? Hỷ nô ai lạc. Họ thuận theo điều này. Tạo ra tất cả nghiệp nên không rời được luân hồi. Cho nên tất cả bình đẳng, không lấy hay bỏ. Không lấy cũng không bỏ, hoàn toàn tùy duyên. Tùy duyên không lấy hay bỏ nên gọi là diệu dụng. “Cánh vô ái tăng”. Thất tình lục dục được hoá giải không còn nữa. Ái là tham luyến, tăng là sân nhuế, tất cả đều không còn. Đây là tán thán đối với người thiện hạnh thiện. Không còn tham luyến. Đối với người ác làm ác, cung kính nhưng không tán thán, không sân nhuế. Cho dù tổn hại rất nghiêm trọng đối với mình cũng không oán hận. Vì sao? Bởi bất khả đắc.

Thường ghi nhớ, tất cả pháp vô sở hữu, tất cánh không, bất khả đắc. Không thấy điều hay của mình, cũng không thấy lỗi của người. Thực tế mà nói là không thấy điều phải của mình không thấy sai lầm của người. Tại sao lại phê bình người khác? Vì nhìn thấy sai lầm của họ. Phật Bồ Tát không thấy sai lầm của con người. Con người không có sai lầm, nên sẽ không tìm ra sai lầm của họ. Sát na sanh diệt, làm gì có sai lầm? Nên trong kinh có câu: Mỗi ngày đều là ngày tốt, mỗi giờ đều là giờ lành. Không có phân biệt. Tôi làm tiếp hai câu: Mỗi người đều là người tốt, mọi việc đều là việc lành.

Nếu đứng về mặt bốn tánh mà nhìn, “nhân chi sơ tánh bản thiện”, sao không phải là người tốt được. Họ không tốt là sau này mới bị nhiễm ô, học điều xấu. Học điều xấu, vậy cái xấu đó là thật chẳng? Không phải thật. Điều xấu này muốn tìm nó cũng là bất khả đắc. Chẳng qua là một vài ý niệm bất thiện, tích lũy liên tục thành một loại huyễn tướng, nên là bất khả đắc. Ngày nay vấn đề này rốt cuộc phát sanh ở chỗ nào? Phát sanh ở chỗ cho giả tướng là thật. Thuận theo ý mình là tham luyến, muốn không chế, muốn chiếm hữu. Không hợp ý mình thì muốn đuổi nó đi, muốn khai trừ nó. Vấn đề là ở chỗ này. Nguồn gốc của tai họa là phân biệt và chấp trước. Phân biệt chấp trước làm chủ thì phiền phức đấy.

Chư Phật Bồ Tát không có những thứ này. Các ngài đã rời xa tất cả vọng tưởng phân biệt chấp trước. Các ngài không có vọng tưởng phân biệt chấp trước, nên các ngài nhìn thế gian này mọi người đều là người tốt, mọi việc đều là việc lành. Trong cảnh giới các ngài không khởi tâm không động niệm, không phân biệt không chấp trước. Các ngài xử lý mọi việc là dùng trí tuệ không phải là tình thức. Chuyển thức thành trí chính là chuyển tình thức thành trí tuệ. Trí tuệ làm chủ chính là chân tâm làm chủ. Thiên hạ thái bình, vấn đề gì cũng giải quyết được.

Hai câu này chúng ta hiện nay cần nên học tập “Bất kiến kỳ thị, bất đạo nhân phi”. Mình làm nhiều việc tốt, nhưng đó là việc cần nên làm. Vì sao? Bản thiện mà! Tất cả những điều bất thiện không nên làm. Không nên làm nhưng quý vị vẫn làm, cũng không trách quý vị. Vì sao? Vì mê muội. Mê muội chính là như vậy. Ngô chính là Phật Bồ Tát, là nhất chân pháp giới. Mê chính là mười pháp giới, là tam đồ lục đạo. Pháp nhĩ như thị.

“Nhu thị trì giới” là chân thật trì giới. “Nhu thị tu hành” là hạnh Phổ Hiền. “Nhu thị tri kiến” mới nhập trung đạo. Đây hạnh Bồ Tát.

Bồ Tát trì giới, Bồ Tát tu hành. Vì sao nói không thấy cái hay của mình? Ta vẫn chưa viên mãn. Công phu của ta còn thiếu sót. Nên cái hay của ta ở đâu? Không có cái hay. Công đức tu hành thật sự đã viên mãn, chứng được quả vị diệu giác, Phật và Phật đạo đồng. Có ai tự cho mình là Phật chẳng? Không có. Không có ai tự cho mình là Bồ Tát. Cũng không có ai tự cho mình là Tu Đà Hoàn. Trong kinh Kim Cang nói rõ: Đó

là đức Như Lai mượn lời này để khuyến khích mọi người. Không phải Tu Đà Hoàn tự cho là phải.

“Nhược nhân sảo văn bình đẳng chi ý. Tiệm mậu xích trì giới vi trước tướng, phi báng giới luật”.

Đây là gì? Đây là người cạo cọt, mới phê bình như vậy. Trong quá khứ chúng ta cũng là hạng người này. Lúc mới học luật, coi nhẹ giới luật. Còn nói năng lung tung, giống như rất có đạo lý vậy, phê bình nó. Lúc trẻ tôi nghĩ rằng, việc trì giới này là tập quán sinh hoạt của 3000 năm trước thời Đức Thế Tôn. Là quý phạm sinh hoạt người Ấn Độ thời đó. Chúng ta là người Trung Quốc thì có lễ nghi của người Trung Quốc. Người Trung Quốc thì có quy phạm sinh hoạt của người Trung quốc. Hơn nữa những quy phạm sinh hoạt này tùy theo thời đại khác nhau nên thường xuyên thay đổi. Chúng ta không nên tuân thủ. Lúc tôi còn trẻ kinh luận phải nên học tập, vì lý luận trong kinh điển rất hay khiến người khâm phục.

Giới luật là hành vi. Xưa và nay không giống nhau, trong và ngoài nước không tương đồng. Chúng ta học điều này làm gì? Quý vị xem, lúc đó tôi có những nghị luận này, còn cảm thấy mình nói rất có lý. Không hề cảm thấy mình sai lầm. Nên Chương Gia đại sư dạy tôi, đó là trí tuệ chân thật, là phương tiện thiện xảo. Đại sư rất hiểu tôi nên đã dùng phương pháp xảo diệu như vậy. Mỗi lần tôi về, tiễn tôi ra cửa, đứng trước cửa nói với tôi “giới luật rất quan trọng”. Quý vị xem, chỉ một câu nói này thôi. Mỗi tuần chúng tôi gặp mặt một lần, một tuần nghe một lần suốt ba năm như vậy. Nghe mấy chục lần như vậy nên ấn tượng rất sâu sắc. Ngài đã thị hiện viên tịch, nếu ngài không viên tịch tôi vĩnh viễn sẽ không phản tỉnh.

Ba năm viên tịch. Tôi suy nghĩ ba năm, tôi theo đại sư ba năm, đại sư dạy tôi những gì? Ấn tượng thứ nhất chính là giới luật rất quan trọng, lập tức liền nghĩ đến câu này. Vì sao ngài phải nói câu này? Rõ ràng biết tôi không thích giới luật, vì sao cứ nói lặp đi lặp lại câu này? Nhất định có lý của nó. Nghiên cứu sâu hơn thì đây là pháp xuất thế. Những điều tôi tưởng tượng trong quá khứ là pháp thế gian. Thế gian pháp có hưng suy có cải cách, tùy theo thời đại mà cải sửa, nhưng pháp thế gian không thể sửa đổi. Sửa đổi sẽ không ra khỏi thế gian. Đây là điều mà tôi ngộ được đầu tiên. Đối với giới luật không dám coi thường nữa, nhưng đạo lý trong đó vẫn không hiểu. Theo sự khế nhập vào kinh giáo, sau hơn 20 năm mới hoàn toàn hiểu được điều này. Nên tôi đã sưu tập một ít những kinh sách liên quan đến giới luật.

Đối chiếu với xã hội ngày nay mới hoát nhiên đại ngộ, giới luật thật sự rất quan trọng. Phát hiện được sự suy yếu của Phật giáo, nguyên nhân do đâu? Nguyên nhân là chúng ta xem thường giới luật. Bây giờ không có người giảng, không có ai làm gương. Có lẽ cũng có người làm nhưng họ ở trong thâm sơn cùng cốc, chúng ta không tiếp

xúc được, không nhìn thấy được. Nhưng đây là nền tảng quan trọng nhất. Học Phật không bắt đầu từ đây chắc chắn không thể thành tựu.

Đối với những lời Ân Quang đại sư nói: một phần thành kính được một phần lợi ích, mười phần thành kính được mười phần lợi ích. Đối với những câu nói này của ngài tôi có cảm xúc rất sâu sắc. Trong lúc dạy học, thầy giáo trên bục giảng hết lòng hết dạ để truyền đạt, nhưng học trò có được lợi ích hay không, thì phải xem trong lòng họ có được mấy phần cung kính. Họ đối với kinh giáo, đối với giáo huấn của Thế Tôn không thành kính. Đối với thầy không thành kính, chính là không thành kính đối với chính mình. Như vậy thì điều gì cũng không đạt được. Phật Bồ tát đến dạy bảo cũng vô ích.

Chính họ thật sự có tâm thành kính, thì thầy sẽ không bằng họ. Thầy giảng kinh, họ nghe rồi sẽ khai ngộ, sẽ chứng quả. Còn Thầy giáo chưa chứng quả, cũng chưa khai ngộ. Thầy giáo đọc theo trong kinh văn, theo trong chú giải mà giảng. Học trò nghe rồi hiểu được và đã khai ngộ. Nên người xưa nói “thanh xuất ư lam nhi thắng ư lam”. Đây chính là nói thầy giáo không phải là người rất tài ba, nhưng người học trò theo học lại vượt hơn cả thầy mình. Nguyên nhân là gì? Đó là tâm cung kính chân thành vượt trên thầy mình, nên thành tựu của học trò cũng hơn thầy. Tuy hơn thầy nhưng họ có đức hạnh, nên mặc dù thầy không bằng họ, họ vẫn luôn luôn tôn trọng thầy. Vì sao? Làm để người khác thấy. Đây chính là đức. Khinh mạn thầy là tội rất nặng. Vì ta khiến cho những người khác noi theo, thì sự tôn sư trọng đạo chẳng phải bị quý vị phá hủy sao? Thầy dù không tốt nhưng thầy cũng đã từng dạy ta. Nên vĩnh viễn nhớ ân của thầy, vĩnh viễn nhớ thầy. Làm một tấm gương tôn sư trọng đạo tốt. Đây chính là ta đang thật sự đề xướng hiếu đạo, đề xướng đạo nghĩa đối với thầy. Thật sự làm một tấm gương tốt cho tất cả chúng sanh. Phê bình giới luật chính là phỉ báng Phật pháp, người như vậy rất nhiều. Người giống thái độ của tôi khi mới học trên xã hội này rất nhiều, nhưng không ai dạy.

“Hoặc sảo năng trì giới, tiện tăng ngã mạn, tự tán huỷ tha, xỉ đàm tha nhân quá thất. Thị giai dĩ bệnh vi dục giả dã”.

Người như vậy rất nhiều. Thời xưa đã có rồi, họ trì giới rất nghiêm minh, nhân giới sanh định, nhờ định phát huệ, đây là bình thường. Họ trì giới rất miên mật, nhưng bị sai lệch nên đã đi vào ngõ rẽ. Vì sao? Vì trì giới rất giỏi nên sinh ra ngạo mạn, kêu ngạo. Cho rằng người khác không trì giới, người khác không bằng ta. Ta hơn họ nhiều, họ không được như ta. Ở đâu cũng la người khác phạm giới, phá giới, phê bình người ta. Đây là tự tán thán mình mà huỷ báng người khác. Như vậy là sai.

Người xưa có câu rất hay: “học vấn thâm thời ý khí bình”. Người càng có đạo đức, có tu dưỡng, có học vấn thì tâm bình khí hoà. Cho dù nhìn thấy người khác sai lầm rất lớn, cũng coi như không có việc gì. Từ đây để thấy được sự tu dưỡng. Mình

mới trì được chút giới luật, đã tự cho rằng mình quá tài giỏi. Người xuất gia ở thế gian này đều không trì giới luật, tự cho rằng mình thanh cao hơn người khác, như vậy là sai. Người ta trì giới là được định và khai mở trí huệ, họ trì giới lại được ngạo mạn, được phiền não. Đây chẳng phải là quá sai lầm rồi sao? Không trì giới còn được, trì giới như vậy thì đọa vào địa ngục A tỳ. Nên giới định huệ phải đi liền với nhau. Trì giới không được định là không có công phu trì giới, có công phu chắc chắn được tam muội. Có công phu của định chắc chắn khai trí huệ.

Trì giới tu định cuối cùng đều biến thành phiền não. Đó gọi là sai lầm quá lớn! Không phải giới luật sai, mà do dụng tâm sai. Trì giới cũng không sai, mà do tâm trì giới đó sai. Tâm tự tư tự lợi, cống cao ngã mạn. Ý niệm tôn người lợi mình vẫn chưa buông bỏ. Nên người học Phật nhất định phải ghi nhớ, một ngày cũng không được rời xa kinh giáo. Rời kinh giáo sẽ không giữ được chính mình, chắc chắn bị hoàn cảnh ảnh hưởng, chắc chắn bị hoàn cảnh dẫn dắt. Vì hoàn cảnh ngày nay quá phức tạp, sức mạnh mê hoặc quá lớn. Mê hoặc của danh văn lợi dưỡng, mê hoặc của tài sắc danh lợi. Ta có thể chống cự được sao? Ngoài việc hàng ngày nghe kinh, hàng ngày đọc kinh để từng giờ từng khắc cảnh tỉnh mình thì không có cách thứ hai. Nhập thất không được, ở trên núi cũng không được, vẫn là suy nghĩ lung tung. Đặc biệt là hiện nay, núi có cao mấy đi nữa thì vẫn có thể xem được ti vi. Ti vi là ô nhiễm số một. Cho nên cần nương tựa vào thiện tri thức, đừng xa rời thiện tri thức. Đây là sự lựa chọn thông minh nhất.

Thiện tri thức chính là kinh điển. Mở quyển kinh là giống như đối với Phật Bồ Tát. Chúng ta hôm nay mở kinh Vô Lượng Thọ, đối mặt với Đức Thế Tôn, với Phật A Di Đà, đối diện với Chư vị Bồ Tát, với cư sĩ Hạ Liên Cư, cư sĩ Hoàng Niệm Tổ. Giống như mỗi ngày đang sống với họ, như vậy là không sai. Một ngày không nghe kinh, không đọc kinh là như không được gặp họ. Năm ba ngày không gặp thì tâm ta sẽ thay đổi, sẽ bị dao động. Quý vị nghĩ xem có đáng sợ không. Nên kinh điển với danh hiệu Phật A Di Đà là bùa hộ mạng của chúng ta, nhất định không được rời nó.

Suốt 60 năm này tôi có thể giữ được mình chính là nhờ hàng ngày đọc kinh. Không thể không đọc. Vì sao? Bởi hàng ngày phải giảng kinh. Không đọc thì không thể giảng được. Tôi dùng phương pháp này để phá trừ giải đãi biếng nhác. Giải đãi biếng nhác là căn bệnh thường gặp của con người. Làm cách nào để đối trị nó? Phương pháp đối trị chính là lên bục giảng kinh. Hàng ngày giảng kinh, nếu không chuẩn bị đầy đủ thì không sao giảng được. Dùng phương pháp này để ép chính mình. Sáu mươi năm rồi tôi vẫn dùng phương pháp này để ép chính mình. Khi còn trẻ, lúc khoảng ngoài 40 đến ngoài 50 tuổi. Lúc đó khỏe mạnh, một ngày không phải chỉ giảng bốn tiếng. Một ngày hầu như đều là năm sáu tiếng. Tôi nhớ khi đó, một học kỳ hơn 30 tiết học. Ở Mỹ nhiều năm như vậy, vì hoàn cảnh ở Mỹ với Trung Quốc không giống nhau. Công việc rất bận rộn, rất siêng năng. Chỉ có thứ bảy và chủ nhật nghỉ. Họ làm việc một tuần năm ngày.

Chúng tôi ở đó giảng kinh, chỉ có lợi dụng hai ngày này. Thông thường hai ngày này, mỗi ngày giảng ít nhất là sáu tiếng, nhiều nhất là chín tiếng. Buổi sáng ba tiếng, buổi chiều ba tiếng, buổi tối ba tiếng. Lúc đó giảng kinh là đứng giảng chứ không phải ngồi nói. Các bạn đồng học ngồi nghe, còn tôi đứng giảng. Đứng như vậy giảng ba tiếng, giữa giờ nghỉ ăn cơm. Lúc trẻ có sức. Những ngày thường không giảng kinh đã chuẩn bị đầy đủ. Tôi không dùng phương pháp này để ép mình, thì không thể thành tựu được.

Khi chúng tôi học giảng kinh, thầy giáo dặn dò chúng tôi rằng. Giảng kinh không được gián đoạn, gián đoạn sẽ bị thoái chuyển. Một tuần ít nhất phải giảng hai tiếng, thầy quy định cho chúng tôi. Tôi cảm thấy hai tiếng đồng hồ không đủ, tôi sẽ giải đãi, sẽ thoái chuyển. Về sau tôi quy định cho mình, một ngày ít nhất phải giảng hai tiếng. Không thể ít hơn hai tiếng, ngày ngày không gián đoạn. Không có người nghe thì phải làm thế nào? Khi không có ai nghe tôi dùng ghi âm. Lúc đó chưa có quay phim, nhưng có ghi âm, loại máy ghi âm băng đĩa. Tôi mua một cái máy ghi âm, và ngồi đối diện với máy ghi âm giảng. Sau khi giảng xong tôi nghe lại một lần. Đi du lịch cũng không nghĩ, trong khách sạn tôi cũng đối diện với máy ghi âm giảng. Tôi học giảng từ phương pháp ngu ngốc này, nhưng rất có hiệu quả. Nếu không dùng phương pháp này nhất định sẽ bị hoàn cảnh nhiễm ô.

Hơn 50 năm rồi tôi không xem ti vi, không nghe thông tin. Báo và tạp chí đều không xem. Chẳng những không xem những thứ này, mà một số sách thông thường tôi cũng không xem. Có lúc người ta tặng sách cho tôi, cái đầu tiên tôi xem là bản quyền. Thói quen xem sách của tôi, cầm vào cuốn sách việc trước tiên là xem trang bản quyền. Nếu trên mặt sách này ghi sơ hữu bản quyền, nếu in ấn sẽ bị truy cứu. Tôi sẽ không xem cuốn sách này. Nhiều người cảm thấy kỳ lạ. Vì sao pháp sư đọc thấy như vậy thì không xem nữa? Tôi nói người này tâm địa hẹp hòi, tự tư tự lợi. Người có tâm địa hẹp hòi họ có thể viết được điều gì hay chứ? Không cần lãng phí thời gian.

Quý vị xem sách xưa đều ghi là: “không có bản quyền, hoan nghênh in ấn”. Như vậy công đức mới vô lượng. Tâm địa lớn thì phước lớn, tâm lượng lớn thì trí tuệ lớn. Xem sách của những người này chúng ta có thể đạt được lợi ích. Còn tâm lượng nhỏ như vậy xem nó làm gì? Như vậy thì lãng phí thời gian của ta, thời gian rất quý báu. Điển tịch mà cổ nhân để lại, chúng ta xem suốt đời cũng không hết. Chọn ra mấy loại đọc cho nhuần nhuyễn. Sau khi học Phật, hầu như toàn bộ đều là sách Phật. Đặc biệt cần phải đọc bộ sách tham khảo điển tịch chú sớ của các bậc cổ đức này.

Tôi đến Đài Trung học kinh Lăng Nghiêm với thầy Lý. Trong hai năm tôi sưu tập chú giải kinh Lăng Nghiêm hơn 20 loại. Thầy cũng cảm thấy rất lạ và thật là không thể nghĩ bàn. Thầy nói những thứ này rất tốt, chú tìm nó ở đâu? Đúng như Chương Gia đại sư nói: “Phật thị môn trung hữu cầu tất ứng”. Tâm tưởng sự thành.

Tôi nghĩ đến một bộ kinh, là do vị tổ sư nào đó chú giải, thì khoảng một hai tháng sau liền có người đưa đến. Thật không thể nghĩ bàn. Chỉ có một bộ sách tôi nghĩ thời gian dài nhất Trung Quán Luận Sớ là sáu tháng, nửa năm mới đạt được. Đây là thời gian dài nhất, thật sự có cầu tất có ứng, bởi tôi cần tham khảo những cuốn sách này.

Không có ứng đại khái là chư Phật Bồ Tát cho rằng điều này không cần thiết, nên tôi cũng không nghĩ đến nữa. Ngoài những điều này ra thì danh văn lợi dưỡng chưa hề nghĩ đến. Tôi cảm thấy mỗi ngày chỉ cần ăn đủ no, mặc đủ ấm, ngủ ngon như vậy là đã hạnh phúc lắm rồi. Đây chính là điều mà thầy Phương nói: hưởng thụ cao nhất của đời người. Mỗi ngày đều ở chung với chư Phật Bồ Tát, chư vị thánh hiền. Quý nghĩ xem hạnh phúc biết bao! Còn có việc gì hạnh phúc hơn, an vui hơn điều này chẳng? Không có. Cho nên sự hưởng thụ tối cao của con người ai cũng có phần, chỉ xem quý vị có đồng ý cầu hay không thôi. Nếu đồng ý thì thật có thể đạt được, bởi vì “Phật thị môn trung hữu cầu tất ứng”.

Chúng ta xem phần sau của đoạn này. Đây không phải là phần cuối cùng, đây là mở đầu của đoạn sau. “Thượng tam đoạn vi Pháp Tạng đại sĩ nghiêm tịnh tự tâm chi đức hạnh. Hạ vi thành tựu chúng sanh chi đức hạnh”.

Thành tựu chúng sanh nhất định trước phải thành tựu chính mình. Chính mình chưa thành tựu mà muốn thành tựu chúng sanh, lời này nói nghe quá xa xỉ. Thực tế mà nói thì đó là điều không thể. Chắc chắn phải trước thành tựu chính mình, mới có thể thành tựu người khác.

Chúng ta xem đoạn ở dưới “Thành tựu chúng sanh. Sở hữu quốc thành tựu lạc, quyền thuộc, trân bảo đồ vô sở trước, hằng dĩ bố thí, trì giới, nhẫn nhục, tinh tấn, thiên định, trí tuệ lục độ chi hạnh, giáo hoá an lập chúng sanh, trú u vô thượng chân chánh chi đạo”.

Trong đoạn này, câu trước là tất cả đều không chấp trước. Nói cách khác, tất cả đều buông bỏ.

Đoạn thứ hai bên dưới là “lục độ giáo hoá chúng sanh”. Chúng ta xem chú giải của Hoàng Niệm Tổ. Tụ lạc tức là thôn lạc, tức là chỉ cho vùng nông thôn ngày nay. Từ đó cho thấy, thời xưa Thế Tôn giảng kinh thuyết pháp thực sự là thời gian ở tụ lạc dài nhất. Còn ở thành thị là những hoạt động lớn hơn, đa phần là quốc vương đại thần, họ phát khởi tổ chức những hoạt động này. Ngày nay chúng ta đều gọi những việc này là hoạt động. Ở nông thôn thị trấn là quy mô nhỏ, số lượng người cũng ít hơn.

Quốc thành, tụ lạc, quyền thuộc, trân bảo đều buông bỏ hết. Tình chấp buông bỏ không còn chấp trước. Cảnh giới này A la hán làm được.

Trong chú giải dưới đây nói: “Chấp trước, chấp đã. Hữu sở chấp trước, tắc nan ly xã. Kim vô sở trước, cố giai khả dụng dĩ bố thí”. Đây là thật sự giáo hoá chúng sanh. Nếu không thể xả bỏ thì làm sao giáo hoá được? Giáo hoá chúng sanh, Thế Tôn nói Tứ Nhiếp Pháp. Tứ nhiếp pháp là bốn phương pháp nhiếp thọ chúng sanh.

Thứ nhất Bố Thí “Thử địa bố thí, hằng dĩ bố thí trì giới”. Đây là lục độ, Lục Độ đều là bố thí, đều là bố thí trong Tứ nhiếp pháp. Lục độ của Bồ Tát là phá sáu loại chấp trước của chính mình. Đó là Sáu Ba La Mật. Bố thí trong Tứ nhiếp pháp là lợi ích chúng sanh, giúp đỡ chúng sanh.

Muốn giúp chúng sanh thì trước tiên ta phải buông bỏ tình chấp. “Quốc thành, tụ lạc” ở đây là nói Đức Thế Tôn đã xả bỏ. Ngài là vương tử, nếu không xuất gia thì sẽ làm quốc vương. Nhưng ngài đã xuất gia, không cần vương vị. Đây là buông bỏ quốc thành. Quốc gia này lãnh thổ rất rộng, rất nhiều thành thị tụ lạc. Ngài có quyền thuộc, có trân bảo nhưng đều xả bỏ hết. Sau khi xuất gia, sống cuộc đời khổ hạnh. Ba y một bát, ngày ăn một bữa, đêm nghỉ dưới gốc cây. Ngài sống cuộc sống như vậy. Ngài sống cuộc sống như vậy suốt 60 năm.

Đức Thế Tôn 19 tuổi đã xả ly tất cả để xuất gia. Xả ly này nghĩa là thế nào? Là phiền não chướng, đã buông bỏ phiền não. Những thứ này đều là phiền não. Nhưng 19 tuổi đã buông bỏ phiền não và ra đi cầu học suốt 12 năm. Mười hai năm ngài học được không ít. Đương thời tôn giáo Ấn Độ rất phát triển, nghĩa là giáo dục tôn giáo rất phát triển. Các bậc cao tăng đại đức trong các tôn giáo này, ngài đều đã thân cận học hỏi với họ. Ngoài điều này ra thì triết học Ấn Độ cũng đứng hàng đầu trên thế giới. Các nhà đại triết học này ngài đều thân cận. Trong suốt 12 năm ngài học hỏi được không ít.

Học nhiều như vậy, nhưng chúng ta cũng có thể tưởng tượng được là vấn đề của ngài chưa được giải quyết. Ấn độ cổ, bất luận là tôn giáo hay học phái. Không có ai chẳng coi trọng thiên định. Nên trong kinh Phật nói tứ thiên bát định. Điều này quý vị nên biết, tứ thiên bát định là của Bà la môn truyền lại. Trong kinh Phật nói tứ thiên bát định là của Bà la môn giáo, nhưng tất cả đều phải học hết. Vì nó là nền tảng của thiên định. Sau khi được thiên định, hiện nay gọi là đột phá không gian duy thứ. Trên đến 28 tầng trời, dưới đến địa ngục vô gián trong lục đạo đều là phạm vi hoạt động của chúng ta. Ta đều có thể nhìn thấy, đều có thể tiếp xúc được. Nên cách nói về luân hồi không phải Đức Thế Tôn nói, mà là thời Bà la môn cổ, trước khi Đức Thế Tôn xuất hiện một vạn năm đã nói một cách rõ ràng minh bạch rồi. Phạm là người tu định đều nhìn có thể thấy. Đây không phải là giả, mà là thật.

Cao nhân của các tôn giáo, nhân sĩ trong giới học thuật đều có năng lực này. Đề khẳng định và thừa nhận chân tướng sự thật này_luân hồi. Nhưng luân hồi lục đạo từ đâu mà có? Vì sao có hiện tượng này? Ngoài lục đạo ra còn có thế giới nữa không?

Chúng ta tin tưởng sâu sắc rằng, Đức Thế Tôn có tư tưởng này. Ba vấn đề này không ai có thể giải đáp. Giới học thuật không thể giải đáp. Tôn giáo cũng không thể giải đáp. Đức Thế Tôn đem những điều đã học buông bỏ hết, nhập thiền định dưới cội Bồ Đề. Ngài buông bỏ sở học trong mười hai năm, nhập vào thiền định sâu hơn. Vì sao phải buông bỏ sở học 12 năm? Bởi nó là sở tri chướng. Quý vị xem, 19 tuổi buông bỏ phiền não chướng. 30 tuổi buông bỏ sở tri chướng. Cả hai loại phiền não, chướng ngại minh tâm kiến tánh, chướng ngại ta chứng đại bát niết bàn. Buông bỏ những thứ này liền minh tâm kiến tánh, kiến tánh thành Phật.

Sau khi xuất định là bắt đầu giáo hoá. Ngài đến Vườn Lộc Uyển tìm năm anh em Kiều Trần Như, đều có quan hệ thân thích. Đức Thế Tôn năm 19 tuổi vượt thành xuất gia đi tham học. Phụ thân của ngài phái năm người này đi theo để chăm sóc ngài. Những người này cũng đều tu hành trong vườn Lộc Uyển, nên ngài đến vườn Lộc Uyển để tìm năm người này. Tìm đến và giảng kinh cho họ. Năm người đã tiếp thu, ngài Kiều Trần Như còn chứng quả A la hán. Từ đó Tăng đoàn xuất hiện. Nghe ngài giảng kinh liền chứng quả. Người khác chứng được sơ quả, nhị quả. Kiều Trần Như là hàng lợi căn nên đã chứng tứ quả A la hán. Bắt đầu từ đó cho đến khi niết bàn, suốt 49 năm không ngừng giảng kinh giáo hoá. Đây là ngài đã làm nên tám gương cho chúng ta xem.

Buông bỏ phiền não chướng và sở tri chướng. Ngài lấy cái gì để giáo hoá chúng sanh? Quý vị xem ngài dùng bố thí, trì giới, nhẫn nhục, tinh tấn, thiền định, trí tuệ. Đây là pháp thế gian. Lục độ này có thể nói cạn cũng có thể nói sâu. Đối với những người thường trong xã hội thì nói cạn, nhưng đối với Thanh văn Duyên giác phải nói sâu hơn. Còn chánh thuyết là đối với Bồ Tát. Nói cách khác, lục độ là điểm tu học chủ yếu của Bồ tát. Còn những hạng người khác đều là dự bị. Nên giảng những điều này đều nghiêng về phương diện luân lý đạo đức. Trong thiền định và trí huệ có giáo dục nhân quả.

Trong chú giải nói “Hữu sở chấp trước, tắc nan ly xã, kim vô sở trước, cố giai khả dụng dĩ bố thí. Ư bố thí hạ, tục giới nhẫn đẳng ngũ độ. Nhân chư độ hàm dĩ vô trước vi bản”.

Chúng ta biết, Bồ tát tu hành lấy không chấp trước làm căn bản. Ba loại phiền não phải đoạn từ đâu, nghĩa là ba loại này nên buông bỏ loại nào trước? Chúng ta phải biết phiền não từ đâu mà có? Như chúng ta mặc áo quần, thứ nhất mặc là áo trong. Khi chúng ta mê thì mê đầu tiên là vô thi vô minh phiền não, đây là tầng ở trong cùng. Từ vô thi vô minh mới sanh khởi tiếp trần sa phiền não. Trần sa phiền não cũng ví như bộ áo quần ngoài. Là bộ đồ bình thường mặc bên ngoài. Từ trần sa phiền não tiếp tục sanh khởi kiến tư phiền não, chính là chấp trước. Trong kinh Hoa Nghiêm gọi là vọng

tướng. Thứ nhất là vọng tướng, thứ hai là phân biệt, thứ ba là chấp trước. Chấp trước là ở ngoài cùng.

Bây giờ chúng ta muốn mở ra, muốn cởi y phục thì nên bắt đầu từ đâu? Bắt đầu từ bên ngoài, không thể cởi từ bên trong trước. Điều thứ nhất cần phải giải quyết đó chính là chấp trước. Khi đoạn được chấp trước mới phá phân biệt. Cuối cùng đến phá vọng tướng, như vậy mới có thể thành tựu. Nên năm độ ở trước đều là lấy không chấp trước làm nền tảng.

“Thị tức Kim Cang kinh tông chỉ, viễn ly tứ tướng, tu nhất thiết thiện pháp. Có năng đắc A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề dã”.

Kinh Kim Cang trong Phật giáo Trung quốc, Lục Tổ Huệ Năng khai ngộ từ kinh Kim Cang. Kinh Kim Cang vì sự khai ngộ của ngài mà nổi tiếng, trở thành kinh số một của Phật giáo Trung quốc. Chẳng ai không biết đến Kinh Kim Cang. Trên thực tế Kinh Kim Cang cũng có thể đảm đương danh hiệu Kinh Bát Nhã mà Đức Thế Tôn thuyết suốt 22 năm khi còn tại thế. Kinh Kim Cang Bát Nhã Ba La Mật là một loại trong số đó. Các bậc cổ đức cho rằng, bộ kinh này là đại cương của Kinh Bát Nhã. Hay nói cách khác, kinh Bát Nhã là triển khai từ bộ kinh này. Kinh này là tổng đại cương, nên người thọ trì rất nhiều.

Kinh văn không dài, chỉ có hơn 5000 chữ. Kinh này dạy chúng ta viễn ly bốn tướng. Muốn tu tất cả thiện pháp thì nên bắt đầu từ đâu? Bắt đầu từ chỗ xa rời bốn tướng. Bốn tướng là ngã tướng, nhân tướng, chúng sanh tướng, thọ giả tướng.

Chúng ta ngày nay đã tu nhiều năm, thậm chí đã tu nhiều kiếp nhưng chưa khai ngộ. Nguyên nhân do đâu? Bản ngã chưa buông bỏ. Như vậy có nghĩa là gì? Là chấp trước chưa buông xả. Chấp trước thân này là ta. Có ngã là có nhân, có nhân thì có chúng sanh. Phạm vi của chúng sanh rất lớn, nó bao gồm cả thế giới. Chúng sanh là hiện tượng do nhân duyên hoà hợp mà sanh khởi. Đối lập với ta là người, cho nên chúng sanh là vũ trụ, thọ giả là thời gian. Những thứ này đều là chấp trước nặng nề của chúng ta, không chịu buông bỏ.

Thọ giả, bây giờ mấy giờ? Đây là thọ giả tướng. Ngày mai làm gì? Thọ giả tướng. Nói về quá khứ vị lai đều là thọ giả tướng. Bây giờ chúng ta gọi là thời gian và không gian. Không gian là chúng sanh tướng, thời gian là thọ giả tướng. Những thứ này đều phải buông bỏ hết. Có hay không có? Đừng quan tâm nó có hay không, chỉ cần không chấp trước là được. Đức Phật không dạy chúng ta phủ định những hiện tượng này, không có. Ngài chỉ dạy buông bỏ chấp trước. Tướng không liên quan gì. Tướng là hư vọng, nó không có thật. “Phàm sở hữu tướng giai thị hư vọng”. “Nhất thiết hữu vi pháp, như mộng như huyễn như ảnh”.

Ngã, nhân, chúng sanh, thọ giả đều là tướng hữu vi. Hữu vi là gì? Có sanh có diệt. Hiện tượng có sanh có diệt gọi là tướng hữu vi. Người có sanh lão bệnh tử. Thực vật như cây cỏ hoa lá có sanh trụ dị diệt. Thế giới, tinh cầu có thành trụ hoại không, đều gọi là tướng sanh diệt, tướng hữu vi. Đối với những hiện tượng này đều không thể chấp trước, nó là hiện tượng tự nhiên. Hiện tượng này là huyễn tướng, huyễn tướng không chướng ngại chân không. Chân không là gì? Là thường tịch quang, tức là tự tánh. Nó hoàn toàn không trở ngại tự tánh.

Ngài Huệ Năng khai ngộ đã nói rất rõ là tự tánh vốn thanh tịnh. Vốn tự thanh tịnh không ô nhiễm. Trong cảnh giới Phật là thanh tịnh. Ở cảnh giới chúng ta cũng thanh tịnh. Ở ngã quý, súc sanh, địa ngục vẫn là thanh tịnh. Từ trước đến nay chưa từng nhiễm ô. Đây gọi là chân. Chân tánh là chính mình. Thân thể sanh lão bệnh tử này không phải chính mình. Không phải ta nhưng chấp trước cho rằng nó là ta, như vậy là sai lầm! Nên chứng được Tu đà hoàn, Tu đà hoàn là cảnh giới gì? Tu đà hoàn đã làm được vô ngã tướng, vô nhân tướng, vô chúng sanh tướng, vô thọ giả tướng. Đây là địa vị nào? Sơ quả tiểu thừa.

Trong đại thừa kinh Hoa Nghiêm nói. Bồ Tát thập tín vị, thì họ là Sơ Tín vị. Thập tín được ví như tiểu học, tiểu học mười năm. Thì họ là năm thứ nhất, lớp một tiểu học. Vô ngã, vô nhân, vô chúng sanh, vô thọ giả. Đây là học sinh chính thức của Phật Thích Ca. Lớp một tiểu học là học trò chính thức. Còn chúng ta chưa phá được bốn tướng là chưa vào tiểu học. Chưa vào được lớp một, còn đang học mẫu giáo. Đại khái cũng là lớp mầm của mẫu giáo, còn lớp mầm và lớp lá chúng ta đều không có phần. Chúng ta là lớp mầm của mẫu giáo, mà còn cho rằng mình giỏi thì tiêu rồi, vĩnh viễn không thể nhập môn.

Ngày nay chúng ta đối với danh văn lợi dưỡng có thể buông xả được chăng? Đức Thế Tôn vì sao không kiến lập đạo tràng? Bây giờ chúng ta đã lãnh hội được. Nếu ngài kiến lập đạo tràng có thể có rất nhiều người xuất gia đọa lạc. Vì sao? Bởi họ buông bỏ không được đạo tràng này. Đạo tràng này là đạo tràng của tôi thì quá phiền phức. Buông không được thì không xa rời được, nên sau khi chết thân thức cứ tham luyến đạo tràng này, như vậy phải làm sao? Đạo tràng này, nó không phải như người ta. Nó không có vợ chồng nên không cách nào thác sanh đến chỗ này. Không được làm người, nhưng đạo tràng này có kiến, gián, chuột. Họ sẽ đầu thai làm những con vật này. Là thật chứ không phải giả. Đến khi nào họ buông bỏ mới có thể vượt ra được thân sắc sanh này. Nếu không chịu buông thì đời đời kiếp kiếp đều ở trong đạo tràng này.

Phật không kiến lập đạo tràng là có đạo lý, để ta không có lưu luyến, không có chấp trước. Đây là tâm đại từ đại bi của Đức Thế Tôn. Nên ngày xưa mỗi tối ngài đều nghỉ dưới gốc cây. Quy định như thế nào? Một gốc cây chỉ được ở một đêm. Đêm thứ

hai phải đến gốc cây khác, không được ở mãi dưới gốc cây này. Sợ sinh tâm tham luyến và thích cây này. Trong cây này có súc sanh ở, tương lai đầu thai trở thành súc sanh. Phạm phu chúng ta không biết, nhưng Chư Phật Bồ Tát rất rõ ràng. Nên các ngài làm gương để chúng ta noi theo. Vì thế bốn tướng chẳng thể không buông xả. Buông bỏ mới có thể tu tất cả thiện pháp. Tất cả thiện pháp này chính là sáu ba la mật mà chúng ta đang nói. Đây là pháp đại thừa mà hàng Bồ Tát tu hành. Bồ Tát thuộc địa vị nào? Là sơ tín vị của thập tín, là Tu đà hoàn của tiểu thừa. Điều này chúng ta chẳng thể không biết.

Bắt đầu từ đây không ngừng nâng cao cảnh giới, nên tương lai họ có thể đạt được A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề - Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác. Câu này là phạn ngữ có thể phiên dịch, nhưng pháp sư phiên dịch kinh tại sao không dịch? Phiên dịch kinh có một thể lệ là năm thứ không dịch. Đây là một trong năm loại đó, gọi là tôn trọng không dịch. Vì sao? Đây là mục tiêu cuối cùng muốn đạt được của người học Phật. Nên có thể phiên dịch chứ không phải khó dịch, mà vì tôn trọng nên không dịch. Nó là mục tiêu chung của người học Phật. Dịch thành chữ Hán có nghĩa là Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh giác. Tiếng phạn A Nậu Đa La dịch sang chữ Hán là Vô Thượng. Tam dịch sang chữ Hán là Chánh. Miệu là Đẳng, đẳng của chữ bình đẳng, là Chánh Đẳng. Tam là Chánh, Bồ Đề là Giác. Tức là Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác.

A la hán chúng được gọi là chánh giác, chính là Tam bồ Đề. Bồ Tát chúng được là Tam Miệu Tam Bồ Đề, chánh đẳng chánh giác. Đó là quả vị Phật cao nhất, không có cao hơn nữa. Nên thêm vào chữ A Nậu Đa La. A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề là Phật. Tam miệu tam Bồ Đề là Bồ Tát, còn Tam Bồ Đề là A la hán. Danh hiệu là tên gọi bằng cấp trong giáo dục của Đức Phật. Giống như đại học, thạc sĩ, tiến sĩ ở nhà trường hiện nay vậy. Phật là tiến sĩ, Bồ Tát là thạc sĩ. Cuối cùng là tốt nghiệp đại học. Đây là danh xưng của ba cấp bằng. Bằng cấp như thế nào? Ở đây đã nói rõ, A la hán đạt được Tam Bồ Đề, họ đã thành chánh giác. Nên gọi họ là A la hán. Nếu cao hơn nữa đến Chánh đẳng chánh giác, đó chính là Bồ Tát. Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác, đây chính là Đức Phật. Là tên gọi của ba cấp bậc.

Chúng ta học Phật là tìm cầu điều này, không phải cầu danh văn lợi dưỡng. Liên quan đến danh văn lợi dưỡng của thế gian đều đọa lạc. Trở lại ngụp lặn trong luân hồi lục đạo. Như vậy là sai hoàn toàn.

Ngày nay chúng ta học Phật, bao nhiêu người bước đến cửa Phật. Bước đến cửa Phật, đốt hương tụng kinh niệm Phật. Hỏi họ đang cầu điều gì? Cầu thăng quan phát tài, cầu bình an. Không phải là cầu những thứ này sao? Trong Lục Tổ Đàn Kinh tôi thấy ngài Huệ Năng không cầu điều này. Lần đầu gặp Ngũ Tổ Hoàng Nhẫn. Ngũ Tổ hỏi ngài, ông đến cầu điều gì? Con đến cầu làm Phật. Chúng ta chỉ thấy có ngài Huệ

Năng, ngài thật sự khác người. Ngài là đến cầu được làm Phật. Ngài không hiểu ngôn ngữ trong Phật pháp. Nếu dùng ngôn ngữ Phật pháp là nói con đến cầu A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề. Hoặc dùng ngôn ngữ Trung quốc là con đến cầu Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác.

Ngũ Tổ thật không bạc đãi ngài, đã thành tựu ngài đạt được A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề. Ngài thật sự thành Phật mới ra đi. “Phật thị môn trung hữu cầu tất ứng”, là thật không phải giả.

Lục ba la mật là đại hạnh tự lợi lợi tha cứu cánh viên mãn của Bồ tát trong đạo Phật, có thể đạt đến niết bàn bỉ ngạn. Niết bàn bỉ ngạn chính là thành Phật, viên mãn thành Phật.

Hết giờ rồi. Ngày mai chúng tôi sẽ giới thiệu với mọi người về sáu ba la mật.

HẾT TẬP 301